|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  Số: /2019/TT-BKHCN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn danh mục vị trí việc làm,**

**cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

*Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập,*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và tổ chức khoa học và công nghệ do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đối với tổ chức khoa học và công nghệ có nhiều cấp trực thuộc thì tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc xác định vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cơ sở giáo dục đại học.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên có thể vận dụng quy định tại Thông tư này để xác định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong tổ chức.

**Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm**

1. Vị trí việc làm được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch và phù hợp với thực tiễn.

**Điều 4. Nguyên tắc xác định số lượng người làm việc**

1. Tuân thủ các quy định của Đảng và của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, quản lý và tinh giản số lượng người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Bảo đảm một người làm việc phải được giao đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian lao động quy định trong một năm. Những vị trí việc làm không có đủ khối lượng công việc để thực hiện theo thời gian quy định của một người làm việc thì phải bố trí kiêm nhiệm.

3. Bảo đảm cơ cấu hợp lý về số lượng người làm việc tại các vị trí chuyên môn, nghiệp vụ chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa tuyển dụng, sử dụng với quản lý số lượng người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

**Điều 5. Căn cứ xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức**

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và công việc thực tế của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

2. Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

3. Khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

5. Danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm;

6. Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

7. Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

8. Hướng dẫn xác định định mức số lượng người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Thông tư này;

**Điều 6. Danh mục vị trí việc làm**

1. Phân loại theo khối lượng công việc

a) Vị trí do một người đảm nhận:

- Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

- Người đứng đầu đơn vị cấu thành của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

b) Vị trí do nhiều người đảm nhận;

- Cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

- Cấp phó của người đứng đầu đơn vị cấu thành của tổ chức khoa học và công nghệ công lập,

- Nghiên cứu viên viên,

- Kỹ sư,

- Trợ lý nghiên cứu,

- Kỹ thuật viên,

- Chuyên viên triển khai công tác hành chính,

- Chuyên viên triển khai công tác kế hoạch, tài chính,

- Chuyên viên triển khai công tác quản lý khoa học và công nghệ,

- Chuyên viên triển khai công tác hợp tác quốc tế,

- Chuyên viên triển khai công tác tổ chức cán bộ,

- Kế toán viên,

c) Vị trí kiêm nhiệm:

- Thủ quỹ,

- Văn thư,

- Lái xe,

- Tạp vụ,

- Lễ tân,

- Bảo vệ,

2. Phân loại theo tính chất, nội dung công việc

a) Vị trí lãnh đạo, quản lý;

- Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập,

- Cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập,

- Người đứng đầu đơn vị cấu thành tổ chức khoa học và công nghệ công lập,

- Cấp phó của người đứng đầu đơn vị cấu thành của tổ chức khoa học và công nghệ công lập,

b) Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp

- Nghiên cứu viên cao cấp,

- Nghiên cứu viên chính,

- Nghiên cứu viên,

- Trợ lý nghiên cứu,

- Kỹ sư cao cấp,

- Kỹ sư chính,

- Kỹ sư,

- Kỹ thuật viên,

- Các vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề khác.

c) Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ:

- Chuyên viên triển khai công tác hành chính,

- Chuyên viên triển khai công tác kế hoạch, tài chính,

- Chuyên viên triển khai công tác quản lý khoa học và công nghệ,

- Chuyên viên triển khai công tác hợp tác quốc tế,

- Chuyên viên triển khai công tác tổ chức cán bộ,

- Kế toán viên,

- Thủ quỹ,

- Văn thư,

- Lái xe,

- Tạp vụ,

- Lễ tân,

- Bảo vệ,

- Các vị trí việc làm khác.

**Điều 7. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp**

1. Viên chức trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo định mức sau:

a) Tổng số viên chức với chức danh nghề nghiệp hạng I hoặc tương đương: không quá 15% trong tổng số người làm việc;

b) Tổng số viên chức với chức danh nghề nghiệp hạng II hoặc tương đương: không quá 35% trong tổng số người làm việc;

2. Đối với viên chức được đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc năm công tác theo quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/2/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ thì không tính vào cơ cấu viên chức theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều 8. Định mức số lượng người làm việc**

1. Số lượng người tại các vị trí lãnh đạo, quản lý:

- Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập: 01 người,

- Cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập: không quá 3 người, tùy vào quy mô của tổ chức,

- Người đứng đầu đơn vị cấu thành của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: không quá số lượng đơn vị cấu thành của tổ chức,

- Cấp phó của người đứng đầu đơn vị cấu thành của tổ chức khoa học và công nghệ công lập: Mỗi đơn vị cấu thành có từ 01 đến 02 cấp phó,

2. Số lượng người tại các vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp:

Tổng số lượng người tại các vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp tối thiểu là 65% tổng số lượng người làm việc của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Số lượng người gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ:

Tổng số lượng người tại các vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ và số lượng người tại các vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành không quá 35% tổng số lượng người làm việc của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc tại Thông tư này xây dựng đề án vị trí việc, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị sự nghiệp thuộc quyền quản lý thực hiện hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, định mức số lượng người làm việc tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.

**Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Thông t­ư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng… năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vư­ớng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng TW và các Ban của Đảng;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Sở KH&CN tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;  - Công báo VPCP;  - Website Bộ KH&CN;  - Lưu: VT, Vụ CNN. |  | **BỘ TRƯỞNG** |